

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2093/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 01 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định số 2813/QĐ-BTNMT ngày 12/9/2018, số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 502/TTr-STNMT ngày 23/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 21 thủ tục hành chính được sửa đổi trong các lĩnh vực: Môi trường 06 thủ tục, địa chất và khoáng sản 02 thủ tục, tài nguyên nước 10 thủ tục, khí tượng thủy văn 03 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 21 thủ tục hành chính, gồm: 06 thủ tục trong lĩnh vực môi trường tại Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 05/10/2016; 02 thủ tục lĩnh vực địa chất và khoáng sản, 03 thủ tục lĩnh vực khí tượng thủy văn, 10 thủ tục lĩnh vực tài nguyên nước tại Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Chí Hiến

DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC VỰC MÔI TRƯỜNG, KHOÁNG SẢN, TÀI NGUYÊN NƯỚC, KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI:

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực môi trường						
1	Thẩm định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường, 62 A Lê Duẩn, TP Tuy Hòa	- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.	- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Quyết định số 1907/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ủy quyền Sở TN&MT thực hiện một số chức năng giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 sửa đổi một số điều liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường	- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
2	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác	-Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường, 62 A Lê Duẩn, TP Tuy Hòa	- Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.		

	<p>khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)</p>	<p>-Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>			
3	<p>Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng</p>	<p>-Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc.</p> <p>-Thời</p>	<p>- Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.</p>		

	<p>sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)</p>	<p>hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>				
<p>4</p>	<p>Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời: 30</p>	<p>Thông tư số 62/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 - Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; - Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. - <i>Thông tư 03/2018/TT-BTNMT ngày 14/8/2018 về sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ TN&MT</i> - <i>Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 sửa đổi một số điều liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường</i></p>		

	xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	ngày làm việc (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân)			
5	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời: 20 ngày làm việc (không bao gồm			

	phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn)	thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân)			
6	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường, 62 A Lê Duẩn, P7, tp Tuy Hòa		- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 2813/QĐ-BTNMT ngày 12/9/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

	nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng)					
II. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản						

1	<p>Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày - Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 55 ngày + Trong thời gian không quá 40 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi đề án thăm dò để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu và tổ chức thẩm định nội dung đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời ý kiến của chuyên gia không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nội dung đề án thăm dò khoáng sản phức tạp, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kỹ thuật để thẩm định đề án. Thời gian quyết</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường, 62 A Lê Duẩn, P7, tp Tuy Hòa - Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://congdictvucong.phuyen.gov.vn</p>	<p>- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.</p>	<p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - <i>Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 sửa đổi một số điều liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường</i></p>	<p>- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p>
---	---	--	--	--	---	--

	<p>định việc thành lập, họp Hội đồng kỹ thuật được tính vào thời gian tổ chức thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản kèm theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp</p>				
--	--	--	--	--	--

<p>cần thiết. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản. - Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò: + Trong thời hạn không quá 21 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết</p>				
--	--	--	--	--

<p>quả thẩm định hồ sơ, đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có</p>				
---	--	--	--	--

		thăm quyền cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.			
2	Chuyên nhượng quyền thăm dò khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. - Thời thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò. + Trong thời hạn không quá 30 ngày, phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền thăm dò. - Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm 		Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	-

	<p>dò:</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò.</p> <p>Trong trường hợp không cấp chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có</p>				
--	---	--	--	--	--

		thăm quyền cấp phép.					
III. Lĩnh vực Tài nguyên Nước							
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000 m ³ /ngày đêm	15 ngày nhận đủ hồ	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường, số 62A Lê Duẩn, Phường 7, Tp. Tuy Hòa - Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://congkichvucong.phuyen.gov.vn	Nghị quyết 13/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên	- Luật Tài nguyên Nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012. - Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 về hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên Nước - Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 sửa đổi một số điều liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường	- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000 m ³ /ngày đêm	15 ngày nhận đủ hồ	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định				
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000 m ³ /ngày đêm	15 ngày nhận đủ hồ	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định				
4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000 m ³ /ngày đêm	15 ngày nhận đủ hồ	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định				
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m ³ /s; phát điện với công suất lắp máy dưới 2000kw; cho các mục đích khác	25 ngày nhận đủ hồ	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định				

	với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ /ngày đêm					
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m ³ /s; phát điện với công suất lắp máy dưới 2000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; gia hạn giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ /ngày đêm	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định				
7	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định				

	đổi với các hoạt động khác				
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
9	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
IV. Lĩnh vực khí tượng thủy văn					
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Hai (02) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường, số 62A Lê Duẩn, Phường 7, Tp. Tuy Hòa</p> <p>- Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://congkichvucong.phuyen.gov.vn</p>	<p>- Không</p>	<p>- Luật khí tượng thủy văn 2015.</p> <p>- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết</p>
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo,	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Hai (02) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn tiến hành thẩm</p>		<p>- Không</p>	<p>- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

	cảnh báo khí tượng thủy văn	<i>định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</i>			của Luật khí tượng thủy văn. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 sửa đổi một số điều liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	<i>Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</i>		- Không	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

SỐ TT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực môi trường (được công bố tại Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)			
1	T-PYE-276763-TT	Thẩm định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Thông tư 03/2018/TT-

6	T-PYE-276759-TT	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng)	<i>thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường</i>
II. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản (được công bố tại Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)			
1		Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	<i>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 sửa đổi một số điều liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</i>
2		Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	
III. Lĩnh vực tài nguyên nước (được công bố tại Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)			
1		Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	<i>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 sửa đổi một số điều liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</i>
2		Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	
3		Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	
4		Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	
5		Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm	
6		Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm	
7		Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	
8		Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	
9		Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	

10		Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	
IV. Lĩnh vực khí tượng thủy văn (được công bố tại Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)			
1		Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 sửa đổi một số điều liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
2		Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
3		Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	